



tiáo jiàn

条件

Noun · condition

Example Sentences

wǒ yǒu liǎng gè tiáo jiàn

我有两个条件。

I have two conditions.

tā tóng yì le zhè ge tiáo jiàn

他同意了这个条件。

He agreed to this condition.

rú guǒ méi yǒu hé shì de tiáo jiàn zhè ge xiàng mù jiù wú fǎ qǐ dòng

如果没有合适的条件，这个项目就无法启动。

If there are no suitable conditions, this project cannot be launched.

Trace each character, then write the word on your own.

条	条	条	条	条	条	条	条	条	条
件	件	件	件	件	件	件	件	件	件